



NGÂN HÀNG TNHH MTV HONG LEONG VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30/6/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TÓM TẮT

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CỦA
NGÂN HÀNG TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN HONG LEONG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính tóm tắt kèm theo, được lập ngày 28 tháng 9 năm 2020, từ trang 2 đến trang 8, bao gồm bảng cân đối kế toán tóm tắt tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tóm tắt và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tóm tắt cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Ngân hàng Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành Viên Hong Leong Việt Nam ("Ngân hàng") đã được kiểm toán. Chúng tôi đã đưa ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính đầy đủ này tại Báo cáo kiểm toán phát hành ngày 28 tháng 9 năm 2020. Báo cáo tài chính đầy đủ này và báo cáo tài chính tóm tắt không phản ánh ảnh hưởng của các sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo kiểm toán nói trên.

Báo cáo tài chính tóm tắt không bao gồm tất cả các thuyết minh cần phải công bố theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các tổ chức tín dụng hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Do đó, việc đọc báo cáo tài chính tóm tắt không thể thay thế cho việc đọc báo cáo tài chính đầy đủ của Ngân hàng.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành của Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính tóm tắt theo tiêu thức được quy định bởi pháp luật.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tóm tắt dựa trên các thủ tục mà chúng tôi đã thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 810 – Dịch vụ báo cáo về báo cáo tài chính tóm tắt.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tóm tắt kèm theo, được trích từ báo cáo tài chính đầy đủ cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Ngân hàng đã được kiểm toán, đã phản ánh một cách trung thực, trên các khía cạnh trọng yếu, với báo cáo tài chính đầy đủ đã được kiểm toán, phù hợp với tiêu thức được quy định bởi pháp luật.

Vấn đề khác

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tóm tắt và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tóm tắt của Ngân hàng cho 12 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 được lập cho mục đích so sánh tuần thủ theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và không được kiểm toán. Báo cáo tài chính tóm tắt của Ngân hàng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2019 (giai đoạn chuyển tiếp khi thay đổi năm tài chính) và báo cáo tài chính tóm tắt của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Trần Thị Thanh Trúc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3047-2019-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM9869
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 9 năm 2020

Mai Trần Bảo Anh
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4166-2017-006-1

TÀI SẢN	Tại ngày	
	30.6.2020 Triệu đồng	30.6.2019 Triệu đồng
Tiền mặt	154.133	101.550
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	204.575	168.165
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	3.796.812	4.622.874
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	3.796.812	4.622.874
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	3	192
Cho vay khách hàng	4.852.482	3.407.231
Cho vay khách hàng	4.897.977	3.442.069
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(45.495)	(34.838)
Hoạt động mua nợ	4.481	5.079
Mua nợ	4.515	5.117
Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ	(34)	(38)
Chứng khoán đầu tư	712.666	940.860
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	611.393	837.543
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	101.273	103.317
Tài sản cố định	73.604	54.030
Tài sản cố định hữu hình	13.829	17.319
Nguyên giá	106.024	104.359
Giá trị hao mòn lũy kế	(92.195)	(87.040)
Tài sản cố định vô hình	59.775	36.711
Nguyên giá	132.886	98.845
Giá trị hao mòn lũy kế	(73.111)	(62.134)
Tài sản khác	86.964	90.964
Các khoản phải thu khác	15.186	20.152
Các khoản lãi và phí phải thu	52.807	49.252
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hoãn lại	12.560	10.565
Tài sản khác	9.386	13.949
Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác	(2.975)	(2.954)
TỔNG TÀI SẢN CỎ	9.885.720	9.390.945
NỢ PHẢI TRẢ		
Tiền gửi từ các tổ chức tín dụng khác	2.118.690	1.492.480
Tiền gửi từ các tổ chức tín dụng khác	2.118.690	1.492.480
Tiền gửi của khách hàng	4.260.607	4.380.188
Các khoản phải trả khác	64.469	58.574
Các khoản lãi và phí phải trả	21.611	26.689
Các khoản phải trả khác	42.858	31.885
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	6.443.766	5.931.242
VỐN CHỦ SỞ HỮU		
Vốn điều lệ	3.000.000	3.000.000
Các quỹ	73.801	73.801
Lợi nhuận chưa phân phối	368.153	365.902
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	3.441.954	3.459.703
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	9.885.720	9.390.945
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		

NGHĨA VỤ NỢ TIẾM AN	Tại ngày	
	30.6.2020 Triệu đồng	30.6.2019 Triệu đồng
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	2.187	2.802
Bảo lãnh khác	14.363	22.199
CÁC CAM KẾT ĐƯA RA		
Cam kết giao dịch hối đoái	11.612	197.174
- Cam kết mua ngoại tệ	11.605	196.878
- Cam kết bán ngoại tệ		

Trần Thị Thu Hằng
Người lập/Kế toán trưởng



Dương Đức Hùng
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 9 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TÓM TẮT

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.6.2020 Triệu đồng	30.6.2019 Triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	405.749	360.289
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(150.602)	(126.481)
Thu nhập lãi thuần	255.147	233.808
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	7.768	6.013
Chi phí từ hoạt động dịch vụ	(10.953)	(6.752)
Lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	(3.185)	(739)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	6.748	5.521
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	1.602	-
Thu nhập khác	3.865	324
Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN - hoãn lại	(602)	(125)
Lãi thuần từ hoạt động khác	3.263	199
Chi phí quản lý chung	(272.666)	(226.669)
(Lỗ)/lãi thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(9.091)	12.120
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(10.653)	(1.228)
Tổng (lỗ)/lãi trước thuế	(19.744)	10.892
Chi phí thuế TNDN - hiện hành	-	-
Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN - hoãn lại	1.995	(2.751)
Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN	1.995	(2.751)
(Lỗ)/lãi sau thuế	(17.749)	8.141

Trần Thị Thu Hằng
Người lập/Kế toán trưởng



Dương Đức Hùng
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 9 năm 2020